CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE
Của: Trung Tâm Dạy Nghề Thành Đạt
Kỳ sát hạch: 7050218048 Ngày: 28/06/2018

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi cư trú	Đã có giấy phép lái xe		Lớp, khóa	Hạng GPLX	Trúng tuyển	Ghi chú
				Hạng	Trúng tuyển				
1	DƯƠNG HOÀI AN	01/01/1982	TT. Lạc Tánh, H. Tánh Linh, T. Bình Thuận			70004K18B2002	B2		
2	VŨ THỊ PHƯƠNG ANH	07/08/1989	X. Tiến Hưng, TX. Đồng Xoài, T. Bình Phước			70004K18B2001	B2		
3	TRẦN DUY BA	12/01/1984	X. Tân Phước, H. Đồng Phú, T. Bình Phước			70004K15B2008	B2		
4	VŨ THANH BÌNH	28/09/1980	P. Long Thủy, TX. Phước Long, T. Bình Phước			70004K18B2002	B2		
5	LÊ QUẢNG CHIẾN	15/02/1985	X. Đak Ơ, H. Bù Gia Mập, T. Bình Phước			70004K17B2008	B2		
6	TRẦN XUÂN CHÍNH	08/09/1989	X. Long Hà, H. Bù Gia Mập, T. Bình Phước			70004K18C001	C		
7	PHẠM HOÀNG CHƯƠNG	28/09/1989	P. Tân Phú, TX. Đồng Xoài, T. Bình Phước			70004K18B2003	B2		
8	TRẦN VĂN CƯỜNG	25/05/1992	X. Diễn Tháp, H. Diễn Châu, T. Nghệ An			70004K17B2004	B2		
9	LÊ VĂN CƯỜNG	20/08/1978	X. Hải Trường, H. Hải Lăng, T. Quảng Trị			70004K17C005	C		
10	LÊ VĂN ĐANG	15/08/1969	X. Tân Tiến, H. Đồng Phú, T. Bình Phước			70004K18B2002	B2		
11	HỒ THÀNH ĐẠT	23/09/1999	X. Hưng Hòa, TX. Bến Cát, T. Bình Dương			70004K18B2003	B2		
12	GIANG VĂN ĐẠT	06/03/1992	X. Tân Phước, H. Đồng Phú, T. Bình Phước			70004K18B2002	B2		
13	LÊ VĂN ĐIỀN	30/01/1983	X. Tân Hòa, H. Tiểu Cần, T. Trà Vinh			70004K18B2003	B2		
14	VŨ TUẤN ĐIỆP	08/09/1995	X. Tân Phước, H. Đồng Phú, T. Bình Phước			70004K18B2003	B2		

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi cư trú	Đã có giấy phép lái xe		Lớp, khóa	Hạng GPLX	Trúng tuyển	Ghi chú
				Hạng	Trúng tuyển				
15	LÊ THỊ DIỆU	29/12/1983	X. Tiến Thành, TX. Đồng Xoài, T. Bình Phước			70004K18B2002	B2		
16	ĐÀO VĂN ĐÔNG	15/09/1970	X. Long Bình, H. Bù Gia Mập, T. Bình Phước			70004K17B2011	B2		
17	NGUYỄN THỊ DUNG	06/06/1977	X. Tân Lợi, H. Đồng Phú, T. Bình Phước			70004K18B2003	B2		
18	HUỲNH VIỆT DŨNG	19/06/1980	X. Tân Phước, H. Đồng Phú, T. Bình Phước			70004K17B2009	B2		
19	LÊ THỊ GÁI	01/01/1972	X. Đồng Tâm, H. Đồng Phú, T. Bình Phước			70004K18B2003	B2		
20	VŨ THỊ HỒNG GẤM	01/01/1983	X. Đức Liễu, H. Bù Đăng, T. Bình Phước			70004K18B2003	B2		
21	VŨ MẠNH HÀ	01/01/1977	X. An Bình, H. Phú Giáo, T. Bình Dương			70004K17C010	C		
22	ĐINH VĂN HẢI	16/06/1988	X. Tân Tiến, H. Đồng Phú, T. Bình Phước			70004K18B2002	B2		
23	NGUYỄN TUẤN HẢI	13/02/1972	P. Hiệp Thành, TP. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương			70004K18B2003	B2		
24	NGUYỄN VĂN HẠNH	20/11/1989	X. Tân Thành, TX. Đồng Xoài, T. Bình Phước			70004K18C001	C		
25	PHẠM THU HIỀN	24/08/1980	P. Đa Mai, TP. Bắc Giang, T. Bắc Giang			70004K18B2003	B2		
26	NGUYỄN QUANG HIẾU	12/04/1995	X. Bom Bo, H. Bù Đăng, T. Bình Phước			70004K18C001	C		
27	ĐINH VĂN HỒ	13/01/1991	X. Tân Tiến, H. Đồng Phú, T. Bình Phước			70004K18B2002	B2		
28	ĐỒNG XUÂN HÒA	02/08/1984	X. Phước Tân, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai			70004K18B2001	B2		
29	ĐỖ VĂN HOÀNG	29/09/1990	P. Long Phước, TX. Phước Long, T. Bình Phước			70004K18C001	C		
30	NGUYỄN THỊ HỒNG	21/05/1990	X. Thuận Lợi, H. Đồng Phú, T. Bình Phước	A1		70004K18B2001	B2		
31	PHAN VĂN HỢP	05/10/1974	X. Ngọc Khê, H. Ngọc Lặc, T. Thanh Hóa	A1		70004K18B2001	B2		
32	VŨ THỊ HUỆ	15/04/1984	TT. Tân Phú, H. Đồng Phú, T. Bình Phước			70004K17B2007	B2		

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi cư trú	Đã có giấy phép lái xe		Lớp, khóa	Hạng GPLX	Trúng tuyển	Ghi chú
				Hạng	Trúng tuyển				
33	PHAN CÔNG HÙNG	02/09/1991	X. Kỳ Hưng, TX. Kỳ Anh, T. Hà Tĩnh	A1		70004K17B2011	B2		
34	PHẠM QUỐC HÙNG	24/11/1983	X. Cư M'ta, H. M'Đrắk, T. Đắk Lắk			70004K18B2001	B2		
35	TRIỆU MẠNH HÙNG	10/10/1980	X. Bình Minh, H. Bù Đăng, T. Bình Phước			70004K18B2003	B2		
36	HUỲNH TẤN HƯNG	16/02/1985	X. Phổ Quang, H. Đức Phổ, T. Quảng Ngãi			70004K18B2003	B2		
37	TRẦN THỊ HƯƠNG	01/01/1977	P. Hiệp Bình Chánh, Q. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh			70004K18B2003	B2		
38	NGUYỄN ĐỨC THANH HƯƠNG	09/10/1987	X. An Bình, H. Phú Giáo, T. Bình Dương			70004K18B2003	B2		
39	LÊ VIẾT HƯƠNG	01/01/1971	X. Phước Tín, TX. Phước Long, T. Bình Phước			70004K18C001	C		
40	VŨ VĂN HỮU	06/07/1983	X. Trúc Lâm, H. Tĩnh Gia, T. Thanh Hóa			70004K16B2012	B2		
41	PHAN NHƯ HỮU	22/06/1968	X. Minh Tâm, H. Hớn Quản, T. Bình Phước	A1		70004K17B2011	B2		
42	PHẠM VĂN HUY	17/11/1984	X. Long Tân, H. Bù Gia Mập, T. Bình Phước			70004K18B2003	B2		
43	NGUYỄN BẢO KHANH	12/12/1988	TT. Phước Vĩnh, H. Phú Giáo, T. Bình Dương			70004K18B2003	B2		
44	PHẠM VIỆT KHOA	20/08/1982	X. Lộc Thái, H. Lộc Ninh, T. Bình Phước	A1		70004K18B2003	B2		
45	K'LIÊU	18/06/1976	P.05, Q.8, TP. Hồ Chí Minh			70004K18B2003	B2		
46	BÙI VĂN LÂM	24/05/1995	X. Đông Hải, H. Tiền Hải, T. Thái Bình			70004K17B2011	B2		
47	PHẠM ĐÌNH LINH	17/10/1975	X. Phú Nghĩa, H. Bù Gia Mập, T. Bình Phước			70004K18B2002	B2		
48	NGUYỄN HỮU LỘC	10/01/1988	X. An Hiệp, H. Ba Tri, T. Bến Tre			70004K18C001	C		
49	NGUYỄN THÀNH LONG	10/05/1989	X. Đak Ơ, H. Bù Gia Mập, T. Bình Phước			70004K18C001	C		
50	HOÀNG TRỌNG PHI LONG	21/03/1997	X. Bình Tân, H. Bù Gia Mập, T. Bình Phước	A1		70004K17B2009	B2		
51	HÀ MINH LONG	10/04/1989	X. Tân Khai, H. Hớn Quản, T. Bình Phước	A1		70004K17B2007	B2		
52	NGUYỄN NGỌC LỰC	19/12/1980	X. An Bình, H. Phú Giáo, T. Bình Dương			70004K18B2002	B2		

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi cư trú	Đã có giấy phép lái xe		Lớp, khóa	Hạng GPLX	Trúng tuyển	Ghi chú
				Hạng	Trúng tuyển				
53	NGUYỄN NGỌC LƯỢNG	17/08/1958	X. An Bình, H. Phú Giáo, T. Bình Dương			70004K18B2002	B2		
54	TRẦN THỊ PHƯƠNG MAI	22/01/1982	X. Tiến Hưng, TX. Đồng Xoài, T. Bình Phước			70004K18B2002	B2		
55	HUỲNH HOÀNG NHẬT MINH	01/01/1992	X. Tân Long, H. Phú Giáo, T. Bình Dương			70004K17C010	C		
56	NGUYỄN VĂN MINH	15/08/1972	X. Long Hưng, H. Bù Gia Mập, T. Bình Phước			70004K18B2002	B2		
57	TRẦN THỊ MÍNH	10/04/1984	X. Tân Tiến, H. Đồng Phú, T. Bình Phước	A1		70004K18B2002	B2		
58	NGUYỄN VĂN MƯỜI	08/04/1970	X. Phú Nghĩa, H. Bù Gia Mập, T. Bình Phước			70004K18B2002	B2		
59	LÊ ĐÌNH NAM	28/11/1983	X. Tiến Thành, TX. Đồng Xoài, T. Bình Phước			70004K18B2002	B2		
60	HOÀNG THỊ NGỌC NGA	02/10/1991	P. Phước Bình, TX. Phước Long, T. Bình Phước			70004K18B2001	B2		
61	NGUYỄN DUY NGHĨA	17/12/1990	TT. Tân Phú, H. Đồng Phú, T. Bình Phước			70004K18B2002	B2		
62	PHAN THỊ THẢO NGUYÊN	09/01/1983	X. Lộc Hiệp, H. Lộc Ninh, T. Bình Phước			70004K18B2003	B2		
63	HỨA MINH NHẬT	30/04/1995	X. Tân Hưng, TX. Bến Cát, T. Bình Dương			70004K18B2003	B2		
64	TRƯƠNG THỊ QUỲNH NHƯ	16/03/1990	X. Bù Nho, H. Bù Gia Mập, T. Bình Phước			70004K18B2003	B2		
65	ĐOÀN THANH PHONG	09/11/1985	X. Vũ Hội, H. Vũ Thư, T. Thái Bình			70004K18B2002	B2		
66	NGUYỄN NGỌC QUỐC	01/12/1973	X. Bù Nho, H. Bù Gia Mập, T. Bình Phước			70004K18B2003	B2		
67	NGUYỄN VĂN QUÝ	06/02/1992	X. Long Hưng A, H. Lấp Vò, T. Đồng Tháp			70004K18B2002	B2		
68	VŨ THỊ QUYÊN	02/11/1980	P. Long Thủy, TX. Phước Long, T. Bình Phước	A1		70004K17B2008	B2		
69	LƯƠNG QUANG SÁNG	11/11/1963	X. Thống Nhất, H. Bù Đăng, T. Bình Phước			70004K18B2001	B2		
70	NGUYỄN THỊ SOA	25/08/1979	X. Long Hưng, H. Bù Gia Mập, T. Bình Phước			70004K18B2003	B2		

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi cư trú	Đã có giấy phép lái xe		Lớp, khóa	Hạng GPLX	Trúng tuyển	Ghi chú
				Hạng	Trúng tuyển				
71	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	13/05/1993	P. Tân Xuân, TX. Đồng Xoài, T. Bình Phước			70004K18B2003	B2		
72	LÊ ANH SỸ	01/01/1982	TT. Phước Vĩnh, H. Phú Giáo, T. Bình Dương			70004K18B2003	B2		
73	NGUYỄN VĂN TÂM	14/08/1983	X. An Bình, H. Phú Giáo, T. Bình Dương			70004K18B2003	B2		
74	PHAN VĂN TÂN	08/02/1988	X. Nhơn Mỹ, TX. An Nhơn, T. Bình Định			70004K18B2003	B2		
75	ĐẶNG CƠ THẠCH	03/12/1988	X. Minh Thành, H. Yên Thành, T. Nghệ An			70004K18B2002	B2		
76	LÊ NAM THẮNG	02/10/1987	X. Tân Phước, H. Đồng Phú, T. Bình Phước			70004K18B2002	B2		
77	HUỲNH VĂN THANH	01/01/1985	TT. Thanh Bình, H. Bù Đốp, T. Bình Phước	A1		70004K18B2002	B2		
78	NGUYỄN QUANG THÀNH	10/06/1970	X. Tân Lập, H. Đồng Phú, T. Bình Phước			70004K18B2001	B2		
79	TRẦN MINH THÀNH	25/07/1986	X. Minh Hưng, H. Bù Đăng, T. Bình Phước			70004K18B2002	B2		
80	ĐỖ BÁ THÀNH	06/06/1983	P. Tam Hiệp, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai			70004K18B2002	B2		
81	PHAN VĂN THÀNH	01/01/1968	P. Tân Xuân, TX. Đồng Xoài, T. Bình Phước			70004K18B2003	B2		
82	LÊ THỊ THANH THẢO	26/09/1982	P. Long Phước, TX. Phước Long, T. Bình Phước			70004K18B2003	B2		
83	NGUYỄN PHƯỚC THUẬN	20/10/1985	X. Thống Nhất, H. Bù Đăng, T. Bình Phước			70004K18B2003	B2		
84	PHÙNG THUẬN	04/05/1983	P. Tân Xuân, TX. Đồng Xoài, T. Bình Phước			70004K18B2002	B2		
85	HÀ XUÂN THƯỢNG	19/03/1989	X. Lạc An, TX. Tân Uyên, T. Bình Dương			70004K16C008	C		
86	ĐỖ THỊ THÚY	18/07/1990	TT. Krông Năng, H. Krông Năng, T. Đắk Lắk	A1		70004K18B2001	B2		
87	HUỲNH THỊ THỦY	01/11/1983	P.02, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	A1		70004K18B2002	B2		
88	TRƯƠNG THỊ NGỌC TIỀN	06/10/1993	X. Tân Bình, TX. Tân Uyên, T. Bình Dương			70004K16B2007	B2		
89	NGUYỄN VĂN TÌNH	27/01/1976	P.02, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	A1		70004K18B2002	B2		

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi cư trú	Đã có giấy phép lái xe		Lớp, khóa	Hạng GPLX	Trúng tuyển	Ghi chú
				Hạng	Trúng tuyển				
90	LỤC VĂN TOÀN	05/06/1984	X. Tiến Thành, TX. Đồng Xoài, T. Bình Phước	A1		70004K18B2002	B2		
91	PHẠM VĂN TÔNG	17/12/1982	X. Hóa An, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai			70004K18B2003	B2		
92	HUỲNH MINH TRANG	01/01/1978	X. Phước Minh, H. Bù Gia Mập, T. Bình Phước			70004K18B2002	B2		
93	LỤC VĂN TRỌNG	06/08/1982	X. Tân Thành, TX. Đồng Xoài, T. Bình Phước	A1		70004K18B2002	B2		
94	TÔ THỊ ANH TRÚC	01/08/1983	TT. Chơn Thành, H. Chơn Thành, T. Bình Phước	A1		70004K18B2003	B2		
95	DƯƠNG QUANG TRUNG	01/01/1978	X. Nha Bích, H. Chơn Thành, T. Bình Phước			70004K18B2002	B2		
96	VŨ KHẮC TRUNG	05/03/1981	P. Thác Mơ, TX. Phước Long, T. Bình Phước			70004K18C001	C		
97	NGUYỄN HỒNG TÚ	24/10/1974	X. Minh Tân, H. Dầu Tiếng, T. Bình Dương			70004K18B2002	B2		
98	NGUYỄN QUANG TUẤN	04/02/1989	X. Đức Liễu, H. Bù Đăng, T. Bình Phước	A1		70004K18B2002	B2		
99	NGUYỄN QUỐC TUẤN	08/08/1978	X. Thuận Phú, H. Đồng Phú, T. Bình Phước			70004K18B2003	B2		
100	TRẦN QUANG TUYẾN	01/01/1990	X. Đồng Tiến, H. Đồng Phú, T. Bình Phước			70004K18B2002	B2		
101	DOÃN VĂN ÚT	01/01/1985	X. Tân Long, H. Phú Giáo, T. Bình Dương			70004K17C010	C		
102	NGUYỄN TẤN VÀNG	18/04/1981	X. Tân Lập, TX. Tân Uyên, T. Bình Dương			70004K18B2002	B2		
103	VŨ MINH VIÊN	14/09/1961	X. Tân Thành, TX. Đồng Xoài, T. Bình Phước			70004K18B2001	B2		
104	TRẦN ĐÌNH VINH	10/10/1973	X. Phú Nghĩa, H. Bù Gia Mập, T. Bình Phước			70004K18B2002	B2		
105	DIỆP HÁNH VỒ	01/01/1979	X. Bom Bo, H. Bù Đăng, T. Bình Phước			70004K18C001	C		
106	NGUYỄN HÙNG VƯƠNG	17/04/1990	X. Hưng Hòa, TX. Bến Cát, T. Bình Dương			70004K17B2003	B2		
107	DƯƠNG THOẠI XINH	01/01/1982	P. Mỹ Hòa, TP. Long Xuyên, T. An Giang			70004K18B2002	B2		

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi cư trú	Đã có giấy phép lái xe		Lớp, khóa	Hạng GPLX	Trúng tuyển	Ghi chú
				Hạng	Trúng tuyển				
108	PAY XỬ XOÀI	27/06/1962	X. Nghĩa Bình, H. Bù Đăng, T. Bình Phước			70004K18B2003	B2		
109	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	07/07/1989	X. Long Hà, H. Bù Gia Mập, T. Bình Phước			70004K18B2003	B2		